TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST Ngày: 14/02/2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Y Hoa và bà Phan Thị Kim Chi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Thương.

- *Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Văn Vụ - Kiểm sát viên.

Ngày 14/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2022/TLST - HNGD ngày 03/01/2022 (Số thụ lý cũ: 19/2021/TLST - HNGĐ ngày 04/10/2021) về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/01/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST - HNGĐ ngày 27/01/2022 giữa:

- Nguyên đơn chị: Nguyễn Thị Thanh, sinh năm: 1974 - Có mặt,

- Bị đơn anh: Lê Quốc Tưởng, sinh năm 1973 - Vắng mặt không lý do,

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/10/2021 và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lê Quốc T kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn số: 07 ngày 03/7/1999 tại UBND xã Kon Đào, huyện ĐăkTô, tỉnh Kon Tum. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu say, đánh chửi, xúc phạm vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện được. Tháng 2 năm 2020 chị T đã gửi đơn

yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, sau đó anh T hứa thay đổi để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nên chị T đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng về đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, sau khi về đoàn tụ được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng tái diễn lại như cũ, anh T vẫn thường xuyên uống rượu, đánh chửi, xúc phạm vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2020 đến nay. Hiện tại tình cảm của chị và anh T thực sự không còn, cuộc sống chung đã nhiều năm không hạnh phúc. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tưởng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Trinh, sinh ngày 20/02/2000; Lê Quốc Nguyên, sinh ngày 18/01/2001. Hiện tại các con đều đã trưởng thành và tự lập nên chị T không yêu cầu gì.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Lê Quốc Tưởng, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã trực tiếp giao nhận thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T đã từ chối nhận Thông báo thụ lý vụ án và văn bản tố tụng. Vì vậy, Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành pháp luật về tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh: Chị T được ly hôn với anh T và phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quốc T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quốc T có cùng địa chỉ tại: Thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Do đó Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quốc T có đăng ký kết hôn số 07, ngày 03/7/1999 tại UBND xã Kon Đào, huyện ĐăkTô, tỉnh Kon Tum. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Nguyễn Thị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Yêu cầu của chị T đã được Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết theo quy định tại điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật Tố tụng dân sự. Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa cho thấy: Tình cảm của chị T và anh T thực sự không còn, cuộc sống vợ chồng nhiều năm không hạnh phúc. Tháng 02/2020 chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó chị đã rút đơn khởi kiện nhằm tạo cơ hội cho anh T thay đổi, sửa chữa để vợ chồng về đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, anh T không thay đổi lối sống, vẫn thường xuyên uống rượu say, đánh đập, chửi bới xúc phạm vợ con làm cho cuộc sống vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 02 năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống riêng mỗi người một nơi, ai biết việc người đó không quan tâm đến nhau nữa, chị kiên quyết xin ly hôn. Anh Lê Quốc T đã được Tòa án trực tiếp giao văn bản tố tụng nhưng anh T đã từ chối không nhận và tỏ rỏ quan điểm bất hợp tác. Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng có liên quan để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa theo thông báo triệu tập và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, không thể hiện quan điểm của mình về vụ án. Điều này chứng tỏ anh Lê Quốc T cố tình trốn tránh trách nhiệm; không có nguyện vọng để Tòa án hòa giải mâu thuẫn vợ chồng về đoàn tụ gia đình.

Tại các bản tự khai ngày 15/11/2021 các con của chị Thanh, anh T đều trình bày: Cuộc sống chung của bố mẹ các cháu thường xuyên mâu thuẫn, bất hòa. Cuộc sống gia đình nhiều năm không hạnh phúc. Vì vậy, các cháu đều thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho bố mẹ được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của Luật tố tụng dân sự. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quốc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Trong cuộc sống gia đình chị T và anh T thường xuyên mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải, nhắc nhở nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nguyên nhân chính là do anh Lê Quốc T thường xuyên uống rượu, đánh đập chửi bới xúc phạm vợ con. Ngày 18/3/2020 Công an xã Đ, huyện T đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi bạo lực gia đình.

Ngày 12/3/2021 Công an xã Đ, huyện T tiếp tục ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC đối với anh Lê Quốc T bằng hình thức xử phạt tiền 750.000đ cũng về hành vi bạo lực gia đình. Hiện tại vợ chồng đã sống riêng mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng chị Thanh, anh T không còn nữa, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mọi quan hệ vợ chồng đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ. Cần áp dụng điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thanh, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Quốc Tưởng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quốc T có hai con chung tên Lê Thị Trinh, sinh ngày 20/02/2000; Lê Quốc Nguyên, sinh ngày 18/01/2001. Hiện tại các con đều đã trưởng thành và tự lập, chị T không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các điều: 28; 35; 39; 147; Khoản 3 điều 228; Các điều 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51; 56; 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Xin ly hôn" của chị Nguyễn Thị Thanh; Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Quốc Tưởng.

[2] Con chung: Các con đều đã trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu gì.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002551

ngày 04/10/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án quy định tại các điều 6, 7 và 9 của luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (14/02/2022**)** Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án. Anh Lê Quốc T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKSND huyện T*
- *VKS ND tỉnh Kon Tum*
- *TAND tỉnh Kon Tum*
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn*
- *Chi cục THA Dân sự huyện T.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Châu